

A&C

BIÊN BẢN KIỂM TOÁN
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2003

CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁNH KẸO BIÊN HÒA

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oO-----

BIÊN BẢN KIỂM TOÁN

Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa

9 tháng đầu năm 2003

Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế đã được ký kết giữa Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C) và Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003, các Kiểm toán viên của chúng tôi đã tiến hành kiểm toán sơ bộ Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2003 của Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa (gọi tắt là Công ty) từ ngày 10 đến ngày 14 tháng 11 năm 2003.

Hôm nay ngày 16 tháng 12 năm 2003 tại Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa, chúng tôi gồm:

1. Đại diện Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa
 - Ông Hoàng Thọ Vĩnh Chức vụ: Giám đốc
 - Ông Nguyễn Văn Châu Chức vụ: Kế toán trưởng
2. Đại diện Công ty Kiểm toán và Tư vấn
 - Ông Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Phó Giám đốc
 - Ông Trịnh Hoài Ngọc Chức vụ: Phó phòng Kiểm toán II

Hai bên cùng thống nhất nội dung và kết quả của cuộc kiểm toán như sau:

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2003 là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty, trách nhiệm của các Kiểm toán viên là thực hiện kiểm toán sơ bộ nhằm phục vụ cho việc đưa ra ý kiến về tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính khi kiểm toán kết thúc.

Cơ sở tiến hành kiểm toán

Cuộc kiểm toán được tiến hành theo:

- Hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán.
- Quy chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân ban hành theo Nghị định số 07/CP ngày 19/01/1994 của Chính phủ và Thông tư số 22 TC/CĐKT ngày 19/3/1994 của Bộ Tài chính.
- Các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành.
- Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh của Doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 59/CP ngày 3 /12/1996 và Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 của Chính phủ.
- Các quy định quản lý tài chính và kế toán của Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa.

Phạm vi kiểm toán

Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán, các chứng từ, sổ sách kế toán và các khoản mục trình bày trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2003 của Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa. Các Kiểm toán viên cũng đã thực hiện các biện pháp, kỹ thuật kiểm toán cần thiết khác trong từng trường hợp cụ thể. Việc kiểm tra chứng từ dựa trên cơ sở chọn mẫu.

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN SƠ BỘ

Bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 9 năm 2003 (Từ trang 06 đến trang 07 đính kèm)
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2003 (Từ trang 08 đến trang 10 đính kèm)
3. Lưu chuyển tiền tệ 9 tháng đầu năm 2003 (Từ trang 11 đến trang 11 đính kèm)
4. Bảng tổng hợp các bút toán đề nghị điều chỉnh (Từ trang 12 đến trang 12 đính kèm)

II. MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

1. Chênh lệch tỷ giá

Theo như Chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" được ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có quy định: "Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được ghi nhận là thu nhập, hoặc chi phí trong năm tài chính..."

Ý kiến của Kiểm toán viên: Công ty cần lưu ý khi lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cần được đánh giá lại theo tỷ giá cuối kỳ ngày 31/12/2003, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại và chênh lệch tỷ giá phát sinh do thanh toán trong kỳ sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Theo qui định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp, Công ty nên lưu ý đến một số vấn đề chính sau đây:

- Công ty được phép tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với mức tính từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm xã hội.
- Thời điểm trích lập là thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính này.
- Quỹ này dùng để chi trợ cấp thôi việc và mất việc.
- Nếu Quỹ này không chi hết thì được chuyển số dư sang năm sau, nếu chi không đủ thì phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Tài khoản sử dụng để trích lập và theo dõi là tài khoản 335 " Chi phí phải trả ".
- Số dư trên tài khoản 416 " Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm " đã lập trước đây được chuyển vào theo dõi chung trên tài khoản 335.

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đến thời điểm ngày 30/9/2003, các chi phí sửa chữa thiết bị đang được tập hợp vào tài khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chưa được kết chuyển hoặc phân bổ vào chi phí sửa chữa trong kỳ do chưa chi tiết được cho các đối tượng sử dụng.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Đề nghị Công ty tiến hành phân loại các chi phí sửa chữa này theo các đối tượng sử dụng, làm cơ sở cho việc kết chuyển vào chi phí trong kỳ.

4. Bảng chi tiết khấu hao tài sản cố định

Hiện tại Bảng chi tiết khấu hao tài sản cố định đến thời điểm ngày 30/9/2003 là chưa đúng so với Sổ sách kế toán do Công ty chưa điều chỉnh lại Bảng chi tiết khấu hao theo số liệu điều chỉnh của Kiểm toán viên trong năm 2002 và 6 tháng đầu năm 2003.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Công ty cần tiến hành điều chỉnh lại Bảng chi tiết khấu hao tài sản cố định cho phù hợp với số liệu trên Sổ sách kế toán.

5. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách

5.1. Thuế giá trị gia tăng

Số liệu thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ giữa Sổ sách kế toán và Tờ khai thuế hàng tháng tại Công ty thường có chênh lệch và không tìm được nguyên nhân, cụ thể:

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ theo Tờ khai quý III: 3.116.059.713
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ theo Sổ sách quý III: 3.337.637.631
- Chênh lệch: 221.577.918

Ý kiến của Kiểm toán viên: Công ty cần thường xuyên đối chiếu giữa Tờ khai thuế hàng tháng với Sổ sách kế toán để phát hiện ngay các khoản chênh lệch nếu có và điều chỉnh cho kịp thời.

5.2. Thuế khác

Các khoản thuế khác (tài khoản 3339) còn phải nộp đến ngày 30/9/2003 là: 450.318.544 VND và hiện nay Công ty chưa xác định được đây là các khoản thuế gì do tồn tại từ nhiều năm trước.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Đề nghị Công ty kiểm tra, xem xét lại để xác định đúng chi tiết các khoản thuế khác phải nộp và tiến hành xử lý cho phù hợp.

6. Hàng tồn kho

6.1. Hạch toán kế toán

Trong kỳ, đường mua về để bán tại các Chi nhánh là hàng hóa của Công ty nhưng lại được hạch toán vào tài khoản 155 "Thành phẩm tồn kho".

Ý kiến của Kiểm toán viên: Đường mua về để bán nên được hạch toán vào tài khoản 156 "Hàng hóa tồn kho" cho phù hợp với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

6.2. Báo cáo chi tiết và Sổ sách

Báo cáo nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu của Nhà máy bánh kẹo Biên Hòa II (Hà Nội) tại thời điểm ngày 30/9/2003 có chênh lệch so với Sổ sách kế toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Công ty cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu lại giữa Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu của Nhà máy bánh kẹo Biên Hòa II với Sổ sách kế toán để tìm ra nguyên nhân và xử lý kịp thời, đảm bảo sự phù hợp giữa Báo cáo nhập xuất tồn và Sổ sách kế toán.

7. Công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán

Chi tiết công nợ Phải thu khách hàng và Phải trả người bán so với số liệu trên Sổ sách kế toán còn có chênh lệch tại thời điểm ngày 30/9/2003 do Công ty chưa điều chỉnh theo số liệu ngày 31/12/2002, cụ thể:

Đơn vị	Báo cáo chi tiết	Sổ sách kế toán	Chênh lệch
Chi nhánh TP. HCM	2.480.862.447	2.299.834.187	181.028.260
Chi nhánh Đà Nẵng	1.896.238.221	1.897.321.947	(1.083.726)

Ý kiến của Kiểm toán viên: Công ty cần lập lại Bảng chi tiết công nợ Phải thu khách hàng và Phải trả người bán cho phù hợp với số liệu trên Sổ sách kế toán.

8. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa cung cấp được Bảng theo dõi chi tiết khoản nhận ký quỹ, ký cược của các đại lý, nhà phân phối.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Công ty cần lập lại Bảng theo dõi chi tiết các khoản nhận ký quỹ, ký cược của các đại lý, nhà phân phối tại thời điểm 31/12/2003 khi tiến hành kiểm toán kết thúc năm.

9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Số dư Quỹ khen thưởng và phúc lợi tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2003 là âm (649.159.662), do đó Công ty cần cân đối lại các khoản chi khen thưởng, phúc lợi trong 3 tháng cuối năm cho phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

III. Ý KIẾN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

Do điều kiện Công ty còn khó khăn trong các chính sách tiết kiệm, giảm chi phí trong năm để đạt lợi nhuận bù cho số lỗ của năm 2002 chuyển sang, đề nghị việc trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không thực hiện trong năm 2003 mà chuyển sang các năm sau, khi điều kiện thuận lợi sẽ thực hiện.

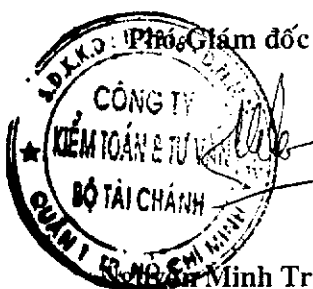
Biên bản này gồm 04 trang được lập thành 02 bản có giá trị như nhau:

- 01 bản lưu tại Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa.
- 01 bản lưu tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Biên Hòa, ngày 16 tháng 12 năm 2003

Đại diện Công ty Kiểm toán và Tư vấn

Đại diện Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa



Giám đốc
Kiểm toán viên

Trịnh Hoài Ngọc



Kế toán trưởng
Giám đốc

Nguyễn Văn Châu
Hoàng Thọ Vinh

12/12/2003

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2003

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Số đầu năm	Số cuối kỳ
100	A- TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	96.743.897.787	74.537.651.052
110	I. Tiền	12.505.513.684	5.297.196.887
111	1. Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	1.445.429.960	1.240.570.442
112	2. Tiền gửi Ngân hàng	9.610.083.724	3.016.626.445
113	3. Tiền đang chuyển	1.450.000.000	1.040.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
130	III. Các khoản phải thu	29.347.833.091	19.338.158.420
131	1. Phải thu của khách hàng	21.666.920.938	14.692.332.405
132	2. Trả trước cho người bán	1.919.007.622	-
133	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	42.366.517	42.366.517
138	4. Các khoản phải thu khác	5.719.538.014	4.603.459.498
140	IV. Hàng tồn kho	52.946.667.115	48.214.316.912
141	1. Hàng mua đang đi trên đường	-	-
142	2. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	32.293.917.717	28.290.790.093
143	3. Công cụ, dụng cụ trong kho	972.718.577	-
144	4. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.300.832.082	3.188.563.632
145	5. Thành phẩm tồn kho	15.337.145.896	16.431.718.681
146	6. Hàng hóa tồn kho	-	275.170.419
147	7. Hàng gửi đi bán	42.052.843	28.074.087
150	V. Tài sản lưu động khác	1.943.883.897	1.687.978.833
151	1. Tạm ứng	197.930.526	151.537.746
152	2. Chi phí trả trước	1.581.866.371	832.128.578
155	3. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	164.087.000	704.312.509
200	B- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, ĐẦU TƯ DÀI HẠN	76.775.337.292	75.789.195.209
210	I. Tài sản cố định	61.532.640.129	70.743.593.162
211	1. Tài sản cố định hữu hình	61.324.253.399	70.540.168.021
212	- Nguyên giá	132.028.319.178	147.341.686.141
213	- Giá trị hao mòn lũy kế	(70.704.065.779)	(76.801.518.120)
217	2. Tài sản cố định vô hình	208.386.730	203.425.141
218	- Nguyên giá	256.080.000	256.080.000
219	- Giá trị hao mòn lũy kế	(47.693.270)	(52.654.859)
220	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
230	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.575.759.605	719.322.063
240	IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
241	V. Chi phí trả trước dài hạn	3.666.937.558	4.326.279.984
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	173.519.235.079	150.326.846.261

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 9 năm 2003

Mã số	NGUỒN VỐN	Số đầu năm	Số cuối kỳ
300	A- NỢ PHẢI TRẢ	101.384.614.253	77.487.896.617
310	I. Nợ ngắn hạn	95.857.739.828	71.526.022.192
311	1. Vay ngắn hạn	53.681.327.280	35.300.793.977
312	2. Nợ dài hạn đến hạn trả	1.560.000.000	30.000.000
313	3. Phải trả cho người bán	35.689.652.872	32.053.007.099
314	4. Người mua trả tiền trước	229.445.705	60.361.280
315	5. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	1.079.277.177	1.418.301.071
316	6. Phải trả công nhân viên	196.166.658	(379.273.527)
318	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.421.870.136	3.042.832.292
320	II. Nợ dài hạn	4.117.452.925	4.117.452.925
321	Vay dài hạn	4.117.452.925	4.117.452.925
330	III. Nợ khác	1.409.421.500	1.844.421.500
331	1. Chi phí phải trả	-	-
332	2. Tài sản thừa chờ xử lý	331.254.000	331.254.000
333	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.078.167.500	1.513.167.500
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	72.134.620.826	72.838.949.644
410	I. Nguồn vốn, quỹ	72.501.115.651	73.488.109.306
411	1. Nguồn vốn kinh doanh	86.997.474.000	86.997.474.000
	2. Cổ phiếu ngân quỹ	(6.588.010.602)	(6.588.010.602)
413	3. Chênh lệch tỷ giá	(22.814.764)	-
414	4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-
415	5. Quỹ dự phòng tài chính	1.216.832.956	-
416	6. Lợi nhuận chưa phân phối	(9.102.365.939)	(6.921.354.092)
420	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	(366.494.825)	(649.159.662)
422	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(366.494.825)	(649.159.662)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	173.519.235.079	150.326.846.261

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Ngoại tệ các loại (USD)	37,908.99	2.715.50

Biên Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2003

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN VĂN CHÂU




HOÀNG THỌ VĨNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9 tháng đầu năm 2003

PHẦN I: LÃI/(LỖ)

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý I + II	Quý III	Lũy kế 9 tháng
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.004.355.422	55.719.615.624	168.723.971.046
03	Các khoản giảm trừ	1.103.438.003	188.530.284	1.291.968.287
04	+ Chiết khấu thương mại	199.344.245	-	199.344.245
05	+ Giảm giá hàng bán	-	-	-
06	+ Hàng bán bị trả lại	904.093.758	188.530.284	1.092.624.042
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.900.917.419	55.531.085.340	167.432.002.759
11	2. Giá vốn hàng bán	84.462.865.935	41.727.095.268	126.189.961.203
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.438.051.484	13.803.990.072	41.242.041.556
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	42.997.648	13.479.283	56.476.931
22	5. Chi phí tài chính	1.978.848.033	922.601.439	2.901.449.472
23	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	<i>1.978.848.033</i>	<i>922.601.439</i>	<i>2.901.449.472</i>
24	6. Chi phí bán hàng	19.163.863.834	8.631.808.312	27.795.672.146
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.232.100.491	3.227.623.718	8.459.724.209
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.106.236.774	1.035.435.886	2.141.672.660
31	9. Thu nhập khác	63.994.959	25.671.528	89.666.487
32	10. Chi phí khác	23.012.800	27.314.500	50.327.300
40	11. Lợi nhuận khác	40.982.159	(1.642.972)	39.339.187
50	12. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.147.218.933	1.033.792.914	2.181.011.847
51	13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế	1.147.218.933	1.033.792.914	2.181.011.847

321
37
370
4NH
191

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

9 tháng đầu năm 2003

PHẦN II : TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số còn phải nợ đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nợ cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
10	I Thuế	1.079.277.177	7.597.686.442	7.258.662.548	1.418.301.071
11	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	737.900.819	5.460.009.614	5.171.088.597	1.026.821.836
12	2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	42.366.517	963.562.349	963.562.349	42.366.517
14	3. Thuế xuất, nhập khẩu	29.822.651	1.123.595.779	1.098.441.802	54.976.628
15	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(141.612.654)	-	-	(141.612.654)
19	5. Tiền thuê đất	-	-	14.569.800	(14.569.800)
20	6. Các loại thuế khác	410.799.844	50.518.700	11.000.000	450.318.544
30	II Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
40	TỔNG CỘNG	1.079.277.177	7.597.686.442	7.258.662.548	1.418.301.071

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

9 tháng đầu năm 2003

PHẦN III: THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI, THUẾ GTGT ĐƯỢC MIỄN GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Số tiền
	I. Thuế GTGT được khấu trừ	
10	1 Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	42.366.517
11	2 Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	10.818.334.317
12	3 Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được hoàn lại	10.818.334.317
	<i>Trong đó</i>	
13	a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	10.800.130.022
14	b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	-
15	c. Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	18.204.295
16	d. Số thuế GTGT không được khấu trừ	-
17	4 Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	42.366.517
	II. Thuế GTGT được hoàn lại	-
	III. Thuế GTGT được miễn giảm	-
	IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa	
40	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	737.900.819
41	2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	16.274.217.966
42	3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	10.800.130.022
43	4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	14.078.330
44	5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	-
45	6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	5.171.088.597
46	7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	1.026.821.836



Biên Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2003

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN VĂN CHÂU

TRƯƠNG THỌ VĨNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu năm 2003

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số tiền
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
01	1. Lợi nhuận trước thuế	2.181.011.847
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	
	- Khấu hao tài sản cố định	6.102.413.930
06	- Chi phí lãi vay	2.901.449.472
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	11.184.875.249
09	- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	9.515.841.942
10	- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	4.732.350.203
11	- Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	(5.203.017.289)
12	- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	90.395.367
13	- Tiền lãi vay đã trả	(2.901.449.472)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17.418.996.000
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(4.456.929.421)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(4.456.929.421)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	
33	- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	88.815.110.489
34	- Tiền chi trả nợ gốc vay	(108.725.643.792)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(282.664.837)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(20.193.198.140)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(7.231.131.561)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	12.505.513.684
	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	22.814.764
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.297.196.887

22/10/03
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BÁNH KẸO
BIÊN HÒA
SỔ C

Biên Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2003

Kế toán trưởng

Giám đốc




NGUYỄN VĂN CHÂU

HOÀNG THỌ VĨNH